

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2023
Về tranh chấp hợp đồng vay tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Lê Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, (Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện Hòa Vang, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng) xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 161/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102A/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn A, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Tổ 1, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Ngọc Đ. Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đinh Xuân L, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (Theo giấy ủy quyền công chứng số 1825, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/8/2023 của Văn phòng công chứng Trần Công Minh). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):* Bà Lê Thị N; Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. , (tham gia tố tụng với bên nguyên đơn). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 6 năm 2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà ông Đặng Văn A trình bày:

Bà Đặng Ngọc Đ kinh doanh đại lý bán vé số Kiến thiết, thông qua quan hệ quen biết, năm đầu 2021 bà Đ rủ vợ chồng ông Đặng Văn A, Bà Lê Thị N và bà Đặng Ngọc Đ hợp tác làm ăn, với hình thức đưa tiền cho bà Đ mượn để bà Đ đứng ra gom mua vé số kiến thiết của những người trúng vé số (các tỉnh miền Trung, tây nguyên) và mang đến Công ty xổ số Kiến Thiết để nhận tiền về hai bên tự thỏa thuận ăn chia lợi nhuận, việc làm ăn giữa các bên diễn ra bình thường. Đến tháng 6/2022 bà Đ báo do Công ty xổ số thay đổi chính sách dừng tiền trúng thưởng lại chậm gửi về nên chưa có tiền để thanh toán cho vợ chồng bà N, ông A với tổng số tiền là 6.300.000.000đ. Vào ngày 28/8/2022, bà Đ có mượn thêm vợ chồng ông A, bà N số tiền là 2.500.000.000đ để mua đất làm nhà, ngày 12/3 và ngày 31/3/2023 bà Đ có dùng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất giả giao cho vợ chồng ông A để nhờ vợ chồng ông A mượn giúp 505.000.000 đồng để giao lại cho bà Đ. Đến ngày 14/8/2023, vợ chồng ông A, bà N và bà Đ có thỏa thuận chốt nợ, bà Đ có viết Giấy xác nhận nợ từ tháng 12/2021 – 18/4/2021 có mượn ông Đặng Văn A số tiền là 9.300.000.000đ và cam kết 07 ngày sau sẽ trả số tiền trên. Đến hạn trả nợ, nhiều lần vợ chồng ông A đòi nợ nhưng bà Đ vẫn không chịu trả số tiền trên. Đối với GCNQSD đất bà Đ có đưa cho vợ chồng ông A để vay số tiền 505.000.000đ, vợ chồng ông A nghi ngờ phát hiện GCNQSD đất trên là giả nên đã gửi đơn tố cáo đến Công an huyện Hòa Vang. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền là 505.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 08/4/2023. Vậy tổng số tiền yêu cầu bà Đ phải trả là 8.795.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Theo lời khai ngày 23, 29/8/2023 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị N trình bày: Bà N thống nhất như lời trình bày của chồng bà ông Đặng Văn A, bà xác nhận bà Đặng Ngọc Đ còn nợ vợ chồng bà là 9.300.000.000đ, khi bà Đ viết giấy xác nhận nợ ngày 18/4/2023 thì bà Đ thống nhất để ông A đứng tên trong giấy nhận nợ. Nay bà N yêu cầu bà Đặng Ngọc Đ có nghĩa vụ trả số tiền 8.795.000.000đ cho vợ chồng bà. Và thống nhất với ông A rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 505.000.000đ.

Theo lời khai ngày 23, 29/8/2023 và tại phiên tòa, ông Đinh Xuân L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đặng Ngọc Đ bày:

Bà Đặng Ngọc Đ có quen biết với vợ chồng Bà Lê Thị N, ông Đặng Văn A. Bắt đầu từ cuối năm 2020, bà Đ có vay mượn tiền vợ chồng bà N để đầu tư, mua vé số Kiến Thiết trúng của các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Trong khoảng thời gian đầu bà Đ đã trả lãi, gốc cho bà N đầy đủ. Trong khoảng thời gian sau thì bà Đ trả lãi, gốc. Đến thời điểm ngày 18/4/2023, vợ chồng bà N ép bà Đ viết Giấy xác nhận cho ông Đặng Văn A với số tiền 9.300.000.000đ. Lý do mà bà Đ viết Giấy xác nhận cho ông Đặng Văn A là theo đề nghị của bà N nói là thời gian đến bà đi công chuyện Sài Gòn nên yêu cầu bà Đ viết Giấy xác nhận cho ông Đặng Văn A là chồng bà ở nhà để thuận tiện giải quyết nợ với bà Đ. Số tiền 9.300.000.000đ trên thực tế tiền gốc khoảng 4.000.000.000đ, còn lại là bà N cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất quá cao, bà N gây áp lực ép bà Đ viết giấy nợ cho chồng bà là ông Đặng Văn A với số tiền như Giấy xác nhận nợ.

Nay bà Đ chỉ xác nhận có nợ tiền gốc của vợ chồng Bà Lê Thị N, ông Đặng Văn A số tiền gốc khoảng 4.000.000.000 đồng. Do đó, không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn với tổng số tiền là 9.300.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 18/4/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Văn A khởi kiện vụ án Dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tiền đối với bị đơn bà Đặng Ngọc Đ có nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Ngày 03/8/2023 Tòa án nhân dân huyện hòa Vang thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: từ tháng 12/2021 – 18/4/2023, bà Đặng Ngọc Đ có mượn tiền mua vé số Kiến Thiết trúng và mượn tiền mua đất của vợ chồng ông Đặng Văn A và Bà Lê Thị N với số tiền là 9.300.000.000đ, tuy nhiên đến hạn trả nợ bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết. Do đó, vợ chồng ông A, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Điem phải trả số tiền nợ gốc là 8.795.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 505.000.000đ. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa thể hiện: Theo giấy xác nhận nợ ngày 18/04/2023 do nguyên đơn cung cấp, bà Đặng Ngọc Đ xác nhận từ tháng 12/2021 – 18/4/2023 có mượn của ông Đặng Văn A số tiền là 9.300.000.000đ tiền mua vé số Kiến thiết trúng và tiền mua đất và cam kết 07 ngày sau sẽ trả số tiền trên cho ông A. Tại phiên tòa vợ chồng ông A, bà Đ và đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận bà Đ có mượn tiền của vợ chồng ông A, bà N. Đại diện bị đơn chỉ thừa nhận bà Đ chỉ mượn tổng số tiền gốc là 4.000.000.000đ, còn lại 5.300.000.000đ là tiền lãi do vợ chồng ông A, bà N ép buộc nên bà Đ mới viết giấy nợ là 9.300.000.000đ cho ông A. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đưa ra chứng cứ để chứng minh là vợ chồng bà Đ đe dọa cưỡng ép bà Đ ký giấy xác nhận nợ là 9.300.000.000đ. Tại phiên tòa ông A cung cấp cho Tòa án 01 giấy mượn mua đất đất 2.500.000.000đ ngày 28/8/2022 (bản gốc) và 01 bản phô tô giấy mượn tiền 505.000.000đ ngày 08/4/2022 do bà Đ viết. Theo lời khai của vợ chồng ông A, con số 9.300.000.000đ do bà Đ viết giấy xác nhận nợ ngày 18/4/2023 thì trong đó, số tiền 6.300.000.000đ là tiền bà Đ mượn nhiều lần mua vé số Kiến thiết trúng từ năm 2021 – ngày 18/4/2023, số tiền còn lại là bà Đ mượn để mua đất làm nhà. Đến ngày 18/4/2023 giữa vợ chồng ông A và bà Đ ngồi lại để viết giấy xác nhận nợ, việc bà Đ viết giấy xác nhận nợ với số tiền 9.300.000.000đ là tự nguyện, vợ chồng bà không đe dọa cưỡng ép gì, toàn bộ số tiền trên là tiền nợ gốc, không có lãi như đại diện bị đơn trình bày. Do đó, HĐXX có căn cứ xác nhận bà Đ có nợ vợ chồng ông A, bà N số tiền 9.300.000.000đ là phù hợp với chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp. Do bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết nên vợ chồng ông A, bà N yêu cầu bà Đ trả số tiền 8.795.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên HĐXX chấp nhận. Về yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bà Đ chỉ nợ 4.000.000.000đ tiền gốc, nhưng không đưa được chứng cứ để

chứng minh vợ chồng bà N, ông A ép buộc ký gấy xác nhận 9.300.000.000đ bao gồm cả tiền lãi nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Văn A rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 505.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 08/4/2023 là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận, đình chỉ đối với yêu cầu trên.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn bà Đặng Ngọc Đ phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 116.795.000đ (112.000.000 + 4.795.000.000*5%) theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án). Hoàn trả cho ông Đặng Văn A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.650.000đ theo biên lai thu số 0000451, ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 217 và 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án).

Tuyên xử :

1. Buộc bà Đặng Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Đặng Văn A, Bà Lê Thị N số tiền 8.795.000.000đ (tám tỷ bảy trăm chín lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đặng Ngọc Đ phải chịu 116.795.000đ (một trăm mười sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng) án phí. Hoàn trả cho ông Đặng Văn A 58.650.000đ (năm mươi tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000451 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 505.000.000đ (năm trăm lẻ năm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 08/4/2023.

Nếu sau này vợ chồng ông Đặng Văn A khởi kiện lại đối với yêu cầu trên và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Vũ